

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức  
Vietranstimex – Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 33

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex - Trụ sở chính

## THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex ("Công ty") tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh ("Trụ sở chính") và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi

## CÔNG TY

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và Trụ sở chính là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Bảo Ngọc	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2020

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex -  
Trụ sở chính**

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Liên  
Ông Đỗ Hoàng Phương

từ ngày 7 tháng 7 năm 2020  
đến ngày 6 tháng 7 năm 2020

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trụ sở chính có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Trụ sở chính sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Trụ sở chính, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Trụ sở chính và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61345701-22012343-HO

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính (“Trụ sở chính”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 2787-2016-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>257.481.003.930</b>	<b>171.770.996.760</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>20.723.578.539</b>	<b>9.864.463.951</b>
111	1. Tiền		20.723.578.539	9.864.463.951
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>183.668.233.877</b>	<b>147.034.243.437</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	141.938.450.359	126.312.964.210
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	31.211.910.622	11.543.073.155
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	7	22.482.146.156	1.706.072.820
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	24.839.999.085	27.320.109.462
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 8	(36.804.272.345)	(19.847.976.210)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>46.238.040.643</b>	<b>14.383.811.922</b>
141	1. Hàng tồn kho		46.381.079.833	14.383.811.922
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(143.039.190)	-
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.851.150.871</b>	<b>488.477.450</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	6.851.150.871	488.477.450
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>61.774.470.078</b>	<b>119.509.371.561</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>793.629.195</b>	<b>793.629.195</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	793.629.195	793.629.195
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>52.267.695.505</b>	<b>83.781.711.041</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	44.595.436.126	72.864.197.001
222	Nguyên giá		418.891.424.189	544.090.805.909
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(374.295.988.063)	(471.226.608.908)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	7.672.259.379	10.917.514.040
228	Nguyên giá		9.498.251.533	12.624.319.258
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.825.992.154)	(1.706.805.218)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>155.225.441</b>	<b>5.874.810.260</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		155.225.441	5.874.810.260
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>816.000.000</b>	<b>21.764.164.380</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	13.1	816.000.000	816.000.000
252	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	20.948.164.380
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.741.919.937</b>	<b>7.295.056.685</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	7.291.203.409	7.295.056.685
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	450.716.528	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>319.255.474.008</b>	<b>291.280.368.321</b>



Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>72.249.182.235</b>	<b>53.794.693.440</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>72.099.682.235</b>	<b>52.936.193.440</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	12.074.471.703	27.067.152.912
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	14.259.731.763	3.560.920.265
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.081.174.014	3.838.701.417
314	4. Phải trả người lao động		3.321.375.988	3.230.210.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	980.460.983	4.560.808.395
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	7	-	7.456.410.098
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.808.696.306	2.400.408.899
320	8. Vay ngắn hạn	20	31.456.249.691	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		117.521.787	821.581.454
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>149.500.000</b>	<b>858.500.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	149.500.000	258.500.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		-	600.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>247.006.291.773</b>	<b>237.485.674.881</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>247.006.291.773</b>	<b>237.485.674.881</b>
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.673.415.925	7.152.799.033
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.931.285.450	2.018.777.630
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		9.742.130.475	5.134.021.403
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>319.255.474.008</b>	<b>291.280.368.321</b>



Lê Quang Vương  
Người lập



Phan Thị Yến Hoa  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	22.1	185.653.208.479	258.389.601.627
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	23	(160.744.145.146)	(229.539.382.324)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		24.909.063.333	28.850.219.303
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.420.072.300	1.867.307.122
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(1.011.475.296) (884.241.449)	(319.724.729) (166.472.040)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(48.591.801.243)	(27.951.865.206)
30	7. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(23.274.140.906)	2.445.936.490
31	8. Thu nhập khác	27	36.074.941.476	4.000.193.257
32	9. Chi phí khác	27	(976.010.076)	(77.899.570)
40	10. Lợi nhuận khác	27	35.098.931.400	3.922.293.687
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.824.790.494	6.368.230.177
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(2.533.376.547)	(1.234.208.774)
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	450.716.528	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.742.130.475	5.134.021.403

Lê Quang Vương  
Người lập

Phan Thị Yến Hoa  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>11.824.790.494</b>	<b>6.368.230.177</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	14.208.770.663	17.862.524.627
03	Các khoản dự phòng		17.099.335.325	3.759.804.815
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		22.458.840	75.492.384
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(35.687.434.541)	(4.490.384.031)
06	Chi phí lãi vay	24	884.241.449	166.472.040
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>8.352.162.230</b>	<b>23.742.140.012</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(13.548.507.214)	(10.165.761.737)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(31.997.267.911)	7.588.169.898
11	Giảm các khoản phải trả		(3.067.300.819)	(8.273.072.042)
12	Tăng chi phí trả trước		(6.358.820.145)	(1.526.154.858)
14	Tiền lãi vay đã trả		(805.817.637)	(164.913.298)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(1.876.409.563)	(2.419.521.615)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(704.059.667)	(1.162.248.426)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(50.006.020.726)</b>	<b>7.618.637.934</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(20.431.683.271)	(13.651.836.385)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		27.372.212.970	2.803.636.364
23	Tiền chi mua trái phiếu		-	(20.948.164.380)
24	Trái phiếu đáo hạn		20.948.164.380	15.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi trái phiếu		1.522.568.792	2.108.771.019
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>29.411.262.871</b>	<b>(14.687.593.382)</b>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	20	76.816.795.331	16.695.693.603
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(45.360.545.640)	(29.053.887.714)
36	Cổ tức đã trả		-	(8.339.973.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>31.456.249.691</b>	<b>(20.698.167.111)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>10.861.491.836</b>	<b>(27.767.122.559)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>9.864.463.951</b>	<b>37.638.475.959</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.377.248)	(6.889.449)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>20.723.578.539</b>	<b>9.864.463.951</b>

Lê Quang Vương  
Người lập

Phan Thị Yến Hoa  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“Công ty”) tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng. Báo cáo tài chính kèm theo này thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**CÔNG TY**

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và Trụ sở chính là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 121 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 233).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Trụ sở chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Trụ sở chính là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và các hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Trụ sở chính dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Trụ sở chính dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Trụ sở chính mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được trích hao mòn theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### **3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

#### **3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### **3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Trụ sở chính và được ghi nhận như chi phí trong năm khi phát sinh.

#### **3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Trụ sở chính đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Dự phòng chung**

Trụ sở chính ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Trụ sở chính có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Trụ sở chính có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.15 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	216.756.117	208.928.000
Tiền gửi ngân hàng	20.506.822.422	9.655.535.951
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.723.578.539</u></b>	<b><u>9.864.463.951</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	84.175.904.946	114.065.929.210
<i>Công ty TNHH Deugro Việt Nam</i>	11.140.663.357	2.365.980.605
<i>Cosco Logistics Kunming Co., Ltd</i>	10.399.285.505	27.451.026.309
<i>Công ty Cổ phần Beton 6</i>	8.195.337.277	8.195.337.277
<i>Chi nhánh Miền Trung Công ty Cổ phần</i>		
<i>Tập đoàn ĐTXDPT Đông Đô</i>	5.000.000.000	6.759.000.000
<i>Công ty Cổ phần IBS EC</i>	5.040.189.119	5.040.189.119
<i>Khác</i>	45.058.329.688	66.620.376.505
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	57.104.645.413	12.247.035.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>141.938.450.359</b>	<b>126.312.964.210</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(36.069.497.863)	(18.447.976.210)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>105.868.952.496</b>	<b>107.864.988.000</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên khác	27.167.739.762	11.554.073.155
<i>Shandong Titan Vehicle Company Limited</i>	6.457.195.425	-
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ khí Asean</i>	5.564.493.000	-
<i>Công ty TNHH DV TM Vận Tải GND</i>		
<i>Việt Nam</i>	3.965.721.507	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và tiếp vận</i>		
<i>Tín Nghĩa</i>	3.000.000.000	-
<i>Khác</i>	8.164.200.690	11.543.073.155
Trả trước cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	4.060.300.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.211.910.622</b>	<b>11.543.073.155</b>

**7. PHẢI THU, PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu</b>	<b>22.482.146.156</b>	<b>1.706.072.820</b>
Chi nhánh Miền Bắc	17.289.869.191	-
Chi nhánh Miền Trung	5.192.276.965	1.706.072.820
<b>Phải trả</b>	<b>-</b>	<b>7.456.410.098</b>
Chi nhánh Miền Bắc	-	7.456.410.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>24.839.999.085</b>	<b>27.320.109.462</b>
Tạm ứng nhân viên	18.442.779.768	18.768.337.513
Chi hộ khách hàng	5.540.579.317	7.855.026.966
Ký quỹ, ký cược	856.640.000	-
Lãi dự thu	-	146.739.726
Khác	-	550.005.257
<b>Dài hạn</b>	<b>793.629.195</b>	<b>793.629.195</b>
Ký quỹ, ký cược	793.629.195	793.629.195
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.633.628.280</b>	<b>28.113.738.657</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(734.774.482)	(1.400.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>24.105.224.603</b>	<b>26.713.738.657</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>163.630.400</i>	<i>3.680.000.000</i>
<i>Bên khác</i>	<i>25.469.997.880</i>	<i>24.433.738.657</i>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.436.351.592	3.889.428.401
Nguyên vật liệu	7.814.164.241	10.494.383.521
Công cụ, dụng cụ	130.564.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.381.079.833</b>	<b>14.383.811.922</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(143.039.190)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>46.238.040.643</b>	<b>14.383.811.922</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	(143.039.190)	-
Số cuối năm	(143.039.190)	-

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	29.738.381.767	35.743.030.851	477.199.426.059	1.409.967.232	544.090.805.909
Mua trong năm	807.000.000	332.340.000	2.367.730.516	982.036.364	3.754.706.880
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	11.858.559.195	-	11.858.559.195
Thanh lý, nhượng bán	(2.925.677.163)	-	(76.999.648.808)	-	(79.925.325.971)
Điều chuyển cho các chi nhánh	-	(1.890.135.637)	(59.731.586.187)	-	(61.621.721.824)
Số cuối năm	27.619.704.604	34.185.235.214	354.694.480.775	2.392.003.596	418.891.424.189
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	271.685.455	30.590.855.804	319.725.272.123	1.074.923.596	351.662.736.978
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	(18.904.064.024)	(32.439.158.086)	(418.742.444.437)	(1.140.942.361)	(471.226.608.908)
Khấu hao trong năm	(2.164.607.010)	(442.401.854)	(11.326.627.373)	(446.647.490)	(14.380.283.727)
Thanh lý, nhượng bán	2.075.506.993	-	52.447.061.207	-	54.522.568.200
Điều chuyển cho các chi nhánh	-	1.533.200.193	55.255.136.179	-	56.788.336.372
Số cuối năm	(18.993.164.041)	(31.348.359.747)	(322.366.874.424)	(1.587.589.851)	(374.295.988.063)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10.834.317.743	3.303.872.765	58.456.981.622	269.024.871	72.864.197.001
Số cuối năm	8.626.540.563	2.836.875.467	32.327.606.351	804.413.745	44.595.436.126

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	10.678.204.185	1.946.115.073	12.624.319.258
Thanh lý, nhượng bán	<u>(3.126.067.725)</u>	<u>-</u>	<u>(3.126.067.725)</u>
Số cuối năm	<u>7.552.136.460</u>	<u>1.946.115.073</u>	<u>9.498.251.533</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.466.847.073	1.466.847.073
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	-	(1.706.805.218)	(1.706.805.218)
Hao mòn trong năm	<u>-</u>	<u>(119.186.936)</u>	<u>(119.186.936)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(1.825.992.154)</u>	<u>(1.825.992.154)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>10.678.204.185</u>	<u>239.309.855</u>	<u>10.917.514.040</u>
Số cuối năm	<u>7.552.136.460</u>	<u>120.122.919</u>	<u>7.672.259.379</u>

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 7.552.136.460 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng. Chi tiết của khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 20*.

## 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm máy móc thiết bị đang được lắp đặt.

## 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

### 13.1 Đầu tư vào công ty liên doanh

<i>Tên công ty liên doanh</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>
		%	VND	%	VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX- Vietranstimex (i)	Vận tải	51	<u>816.000.000</u>	51	<u>816.000.000</u>

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex (“BNX-Vietranstimex”) đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.851.150.871</b>	<b>488.477.450</b>
Chi phí bảo hiểm	4.555.212.090	1.909.093
Chi phí sử dụng đường bộ	1.145.979.272	119.511.538
Chi phí công cụ dụng cụ	653.768.987	27.258.780
Chi phí khác	496.190.522	367.056.819
<b>Dài hạn</b>	<b>7.291.203.409</b>	<b>7.295.056.685</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.670.756.178	3.101.207.800
Chi phí thuê đất	2.359.423.429	2.428.818.241
Chi phí cải tạo văn phòng và sửa chữa tài sản	299.834.848	776.620.110
Khác	1.961.188.954	988.410.534
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.142.354.280</b>	<b>7.783.534.135</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp	10.227.181.776	26.316.835.412
<i>Công ty Cổ phần Đông Hải 27-7</i>	3.398.710.242	7.886.103.372
<i>Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt</i>	-	1.761.849.725
<i>Khác</i>	6.828.471.534	11.455.382.495
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.847.289.927	750.317.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.074.471.703</b>	<b>27.067.152.912</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	14.259.731.763	1.423.920.265
<i>Công ty Cổ phần SCI E&amp;C</i>	12.834.376.900	-
<i>Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất</i>	920.502.500	920.502.500
<i>Khác</i>	504.852.363	503.417.765
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	2.137.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.259.731.763</b>	<b>3.560.920.265</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.700.078.446	24.648.398.326	(22.472.977.332)	4.875.499.440
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.068.689.541	2.640.837.752	(1.876.409.563)	1.833.117.730
Thuế thu nhập cá nhân	69.933.430	1.080.333.652	(777.710.238)	372.556.844
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.838.701.417</b>	<b>28.369.569.730</b>	<b>(25.127.097.133)</b>	<b>7.081.174.014</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thầu phụ	980.460.983	4.556.967.205
Khác	-	3.841.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>980.460.983</b>	<b>4.560.808.395</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	46.528.767	-
<i>Phải trả bên khác</i>	933.932.216	4.560.808.395

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.808.696.306</b>	<b>2.400.408.899</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	650.000.000	-
Cổ tức phải trả	573.468.776	573.468.776
Kinh phí công đoàn	34.181.558	491.976.720
Khác	1.551.045.972	1.334.963.403
<b>Dài hạn</b>	<b>149.500.000</b>	<b>258.500.000</b>
Khác	149.500.000	258.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.958.196.306</b>	<b>2.658.908.899</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	991.197.620	816.000.000
<i>Phải trả bên khác</i>	1.966.998.686	1.842.908.899



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Vay ngân hàng ( <i>Thuyết minh số 20.2</i> )	27.456.249.691	-
Vay bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 20.1</i> )	4.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.456.249.691</b>	<b>-</b>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	Vay ngân hàng	Vay bên liên quan	VND Tổng cộng
Số đầu năm	-	-	-
Giải ngân trong năm	69.416.795.331	7.400.000.000	76.816.795.331
Hoàn trả trong năm	(41.960.545.640)	(3.400.000.000)	(45.360.545.640)
Số cuối năm	<u>27.456.249.691</u>	<u>4.000.000.000</u>	<u>31.456.249.691</u>

**20.1 Vay bên liên quan**

Đây là khoản vay để bổ sung nguồn vốn lưu động với lãi suất 5.3%/năm. Chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và trả lãi</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	VND		
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	<u>4.000.000.000</u>	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2021 đến ngày 24 tháng 1 năm 2021	Tín chấp

**20.2 Vay ngân hàng**

Đây là khoản vay để bổ sung nguồn vốn lưu động với lãi suất từ 5.5%/năm đến 6%/năm. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và trả lãi</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	VND		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>27.456.249.691</u>	Từ ngày 12 tháng 5 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Quyền sử dụng đất ( <i>Thuyết minh số 11</i> )

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex -  
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	5.272.652.016	235.605.527.864
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.134.021.403	5.134.021.403
Trích lập các quỹ	-	-	-	(304.510.627)	(304.510.627)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(8.388.928.400)	(8.388.928.400)
Nhận bàn giao từ chi nhánh Miền Nam (trước đây)	-	-	-	4.979.911.719	4.979.911.719
Lợi nhuận chi nhánh	-	-	-	459.652.922	459.652.922
Số cuối năm	<u>209.723.210.000</u>	<u>15.257.068.213</u>	<u>5.352.597.635</u>	<u>7.152.799.033</u>	<u>237.485.674.881</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	7.152.799.033	237.485.674.881
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	9.742.130.475	9.742.130.475
Trích lập các quỹ	-	-	-	(221.513.583)	(221.513.583)
Số cuối năm	<u>209.723.210.000</u>	<u>15.257.068.213</u>	<u>5.352.597.635</u>	<u>16.673.415.925</u>	<u>247.006.291.773</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã công bố trong năm	-	8.388.928.400
Cổ tức đã trả trong năm	-	8.339.973.000

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và cho thuê	185.366.385.463	258.216.830.539
Doanh thu bán hàng hóa	286.823.016	172.771.088
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>185.653.208.479</u></b>	<b><u>258.389.601.627</u></b>

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và trái phiếu	1.178.568.786	1.686.747.667
Lãi chênh lệch tỷ giá	241.503.514	180.559.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.420.072.300</u></b>	<b><u>1.867.307.122</u></b>

**23. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	160.314.282.940	229.276.845.638
Giá vốn hàng bán	286.823.016	262.536.686
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	143.039.190	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>160.744.145.146</u></b>	<b><u>229.539.382.324</u></b>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	884.241.449	166.472.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá	127.233.847	153.252.689
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.011.475.296</b>	<b>319.724.729</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải thu khó đòi	16.956.296.135	3.759.804.815
Chi phí nhân viên	16.854.929.073	17.477.502.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.724.938.622	4.943.223.539
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.869.160.992	601.353.462
Chi phí đồ dùng văn phòng	904.638.799	283.806.952
Khác	281.837.622	886.174.072
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.591.801.243</b>	<b>27.951.865.206</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	122.597.958.670	173.689.521.769
Chi phí nhân viên	38.903.136.600	45.294.703.445
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	14.208.770.663	17.862.524.628
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	13.616.466.166	15.588.747.433
Chi phí khác	20.009.614.290	5.055.750.255
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>209.335.946.389</b>	<b>257.491.247.530</b>

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>36.074.941.476</b>	<b>4.000.193.257</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	34.311.605.475	2.840.893.364
Thu tiền phạt, bồi thường	1.686.871.564	965.795.000
Thu nhập khác	76.464.437	193.504.893
<b>Chi phí khác</b>	<b>(976.010.076)</b>	<b>(77.899.570)</b>
Chi phí nộp phạt	(913.987.525)	(28.008.378)
Chi phí khác	(62.022.551)	(49.891.192)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>35.098.931.400</b>	<b>3.922.293.687</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Trụ sở chính sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 28.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN	2.249.138.513	1.234.208.774
Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	<u>284.238.034</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.533.376.547	1.234.208.774
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(450.716.528)</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.082.660.019</u></b>	<b><u>1.234.208.774</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay			VND Năm trước
	Hoạt động chính	Hoạt động khác	Tổng cộng	
<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>(4.240.484.600)</u></b>	<b><u>16.065.275.094</u></b>	<b><u>11.824.790.494</u></b>	<b><u>6.368.230.177</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	(848.096.920)	3.213.055.019	2.364.958.099	1.273.646.035
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>				
Chi phí không được trừ	397.380.392	-	397.380.392	201.430.856
Điều chỉnh thuế theo NĐ số 114/2020/NĐ-CP	-	(963.916.506)	(963.916.506)	
Lỗi từ chi nhánh Thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	<u>284.238.034</u>	<u>-</u>	<u>284.238.034</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>(166.478.494)</u></b>	<b><u>2.249.138.513</u></b>	<b><u>2.082.660.019</u></b>	<b><u>1.234.208.774</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.2 Lỗ thuế**

Lỗ thuế của Trụ sở chính khác với lỗ kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Trụ sở chính đã ghi nhận khoản mục thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	273.868.238	-	273.868.238	-
Chi phí lãi vay theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	176.848.290	-	176.848.290	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>450.716.528</b>	<b>-</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>450.716.528</b>	<b>-</b>

**28.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau**

Trụ sở chính được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.369.306.667 VND (31 tháng 12 năm 2019: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020		Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
			Không được chuyển lỗ		
2020	2025	1.369.306.667	-	-	1.369.306.667

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế tạm tính của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Trụ sở chính có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Trụ sở chính với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

				VND	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Thanh lý TSCĐ	15.119.967.000	-	
		Vay	7.400.000.000	-	
		Thuê văn phòng	273.000.000	-	
		Chi phí lãi vay	79.226.164	-	
		Khác	205.829.238	-	
		Cổ tức công bố		7.046.700.000	
Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn (đến ngày 30 tháng 9 năm 2020)	Sử dụng dịch vụ vận chuyển	5.344.574.842	550.986.818	
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	2.735.636.365	
		Cho thuê phương tiện	408.128.637	-	
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	Công ty trong cùng Tập đoàn (đến ngày 30 tháng 9 năm 2020)	Trái phiếu đáo hạn	20.948.164.380	15.000.000.000	
		Mua trái phiếu	-	20.948.164.380	
		Lãi từ đầu tư trái phiếu	970.739.730	351.270.977	
Tổng Công ty thiết bị điện Đông Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn (đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	19.159.876.363	20.495.909.091	
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thanh lý TSCĐ	32.353.403.097	-	
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	719.440.909	2.010.350.000	
		Sử dụng dịch vụ	510.847.477	562.500.000	
		Thuê văn phòng	30.240.000	207.951.642	
Tổng công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thanh lý TSCĐ	1.219.277.700	-	
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	31.818.182	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>					
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Thanh lý TSCĐ	4.921.500.000	-	
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thanh lý TSCĐ Cung cấp dịch vụ vận chuyển	32.353.403.097 1.224.670.916	- 2.157.035.000	
Tổng Công ty thiết bị điện Đông Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn (đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	18.605.071.400	10.090.000.000	
			<b>57.104.645.413</b>	<b>12.247.035.000</b>	
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Xây lắp Công Trình	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	4.060.300.000	-	
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>					
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	120.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	43.630.400	-	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT trước đây	Tạm ứng	-	2.680.000.000	
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc trước đây	Tạm ứng	-	1.000.000.000	
			<b>163.630.400</b>	<b>3.680.000.000</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thuê kho	395.822.200	13.860.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	300.300.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn (đến ngày 30 tháng 9 năm 2020)	Thuê dịch vụ vận chuyển	1.151.167.727	736.457.500
			<b>1.847.289.927</b>	<b>750.317.500</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	2.137.000.000
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	33.528.767	-
		Cung cấp dịch vụ	13.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>46.528.767</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi trả hộ	129.500.223	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	45.697.397	-
			<b>991.197.620</b>	<b>816.000.000</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Vay	4.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
VND			
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch	42.000.000	21.000.000
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	24.000.000	35.000.000
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	60.000.000	72.000.000
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch trước đây	60.000.000	107.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên trước đây	36.000.000	51.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Trần Bảo Ngọc	Trưởng ban	24.000.000	-
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên	18.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	18.000.000	-
Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban trước đây	-	17.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên trước đây	-	10.500.000
Ông Ông Văn Khương	Thành viên trước đây	-	10.500.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	523.055.000	-
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT trước đây	264.219.740	695.325.000
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc trước đây	375.736.364	524.560.000
Bà Nguyễn Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc trước đây	371.583.207	90.463.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.816.594.311</b>	<b>1.634.848.000</b>

**30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Cam kết thuê hoạt động**

Trụ sở chính hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	567.541.130	3.069.344.112
Từ 2 đến 5 năm	2.270.164.520	3.413.483.920
Trên 5 năm	8.655.002.233	9.790.084.493
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.492.707.883</b>	<b>16.272.912.525</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- United States dollar (USD)	<u>32.960,51</u>	<u>71.159,83</u>

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Trụ sở chính.

Lê Quang Vương  
Người lập

Phan Thị Yến Hoa  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021